

**BỘ Y TẾ**  
-\*-  
Số: 3033/QĐ-BYT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2001

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**  
V/v ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc  
được bồi dưỡng chống độc hại.

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

- Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế;
- Căn cứ Thông tư Liên tịch số 10/1999/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 17 tháng 3 năm 1999 của Liên Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội- Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại;
- Căn cứ công văn số 1762/LĐTBXH-BHLĐ ngày 21/ 6/ 2001 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thoả thuận danh mục nghề được hưởng chế độ bồi dưỡng chống độc hại;
- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ và ông Vụ trưởng Vụ Y tế Dự phòng - Bộ Y tế,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này bản danh mục nghề, công việc được bồi dưỡng chống độc hại gồm:

- Số nghề, công việc được hưởng bồi dưỡng mức IV: 03(Ba)
- Số nghề, công việc được hưởng bồi dưỡng mức III: 16(Mười sáu)
- Số nghề, công việc được hưởng bồi dưỡng mức II: 27(Hai mươi bảy)
- Số nghề, công việc được hưởng bồi dưỡng mức I: 07(Bảy)

**Điều 2:** Chi phí bồi dưỡng chống độc hại đối với đơn vị sản xuất kinh doanh được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông; đối với cơ quan hành chính sự nghiệp tính vào chi phí thường xuyên; đối với các đối tượng là học sinh, sinh viên thực tập, học nghề, tập nghề thuộc cơ quan nào quản lý thì cơ quan đó cấp kinh phí.

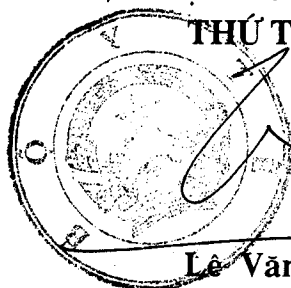
**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4:** Các ông, bà: Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Y tế Dự phòng Bộ Y tế, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dược Việt Nam, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhân**

- Như điều 4;
- Bộ LĐTBXH;
- Lưu TCCB, YTDP;
- Lưu trữ.

K/T. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ  
THỦ TRƯỞNG



Lê Văn Truyền

**DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC ĐẶC BIỆT ĐỘC HẠI  
NGUY HIỂM VÀ ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM ĐƯỢC HƯỞNG  
CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG CHỐNG ĐỘC HẠI**

*Kèm theo Quyết định số 222/2001/QĐ-BYT ngày 17/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế*

**I. KHU VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC:**

<b>STT</b>	<b>Tên nghề hoặc công việc</b>	<b>Danh mục nghề, công việc qui định tại QĐ số 1629 và QĐ số 915</b>	<b>Mức bồi dưỡng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Sản xuất cao thuốc phiện và các dẫn xuất từ cao thuốc phiện.	V	3	
2	Sản xuất Ete.	V	3	
3	Sản xuất các sản phẩm hoá dược có sử dụng dung môi hữu cơ.	V	3	
4	Sản xuất nguyên liệu kháng sinh.	V	3	
5	Sản xuất Artemisinin và các dẫn xuất.	V	3	
6	Chuyên bào chế sản xuất thuốc độc bảng A, B.	V	3	
7	Chuyên xay, rây, pha chế các loại thuốc: Kháng sinh, hoocmon, hướng tâm thần, gây nghiện, thuốc sốt rét.	V	3	
8	Sản xuất và chế thử các loại thuốc độc mạnh như: thuốc phiện Mocfin, campho tổng hợp, Tecpinhydrat, chiết xuất mã tiền, cà độc dược và các loại thuốc độc bảng A.	IV	3	
9	Sản xuất các sản phẩm hoá dược ở các khâu sử dụng axit vô cơ mạnh, kiềm mạnh, cồn, tinh dầu thông.	IV	3	

10	Nuôi và lấy nọc rắn độc.	IV	3	
11	Chiết xuất, tinh chế các hoạt chất từ dược liệu.	IV	3	
12	Hoà tan, cô, vớt, vẩy, rửa, sấy, xay, rây, đóng gói hở các sản phẩm hoá dược.	IV	2	
13	Sản xuất Cloralhydrat và cloramin.	IV	2	
14	Chuyên nấu cao thảo mộc, cao động vật.	IV	2	
15	Băm, chặt, sao, tẩm, phơi sấy, chày mốc dược liệu bằng thủ công.	IV	2	
16	Xay, rây, nhào trộn, pha chế các loại dược chất, tá dược, vận hành máy dập và bao viên thuốc.	IV	2	
17	Pha chế, đóng thuốc dầu nước, cao xoa.	IV	2	
18	Pha chế đóng, hàn thuốc tiêm bằng công nghệ chân không; đóng hàn kháng sinh ở dạng bột.	IV	2	
19	Sản xuất các loại thuốc từ phủ tạng, thuốc subtilis.	IV	2	
20	Trực tiếp kiểm nghiệm các sản phẩm hoá dược, dược phẩm, mỹ phẩm.	IV	2	
21	Chuyên ủ, kéo, rửa, vẩy ống tiêm bằng thủ công.	IV	2	
22	Chiết xuất và sản xuất thử các sản phẩm hoá dược.	IV	2	
23	Vận hành máy cất nước, bằng phương pháp nhiệt.	IV	1	
24	Chuyên bốc vác thủ công nguyên liệu, dược liệu, dược phẩm.	IV	1	

25	Thủ kho kiêm bảo quản nguyên liệu, dược liệu độc A, B.	IV	1	
26	Vệ sinh công nghiệp trong các xí nghiệp sản xuất dược và trang thiết bị y tế.	IV	1	

## II- KHU VỰC SỰ NGHIỆP Y TẾ:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Danh mục nghề, công việc qui định tại QĐ số 915 và QĐ số 1629	Mức bồi dưỡng	Ghi chú
1	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm HIV & phục vụ người bệnh nhiễm HIV, AIDS.	VI	4	
2	Giải phẫu bệnh lý đại thể, giải phẫu vi thể, liệm xác, ướp xác, khám nghiệm tử thi, vệ sinh nhà xác, kiểm nghiệm độc chất pháp y.	VI	4	
3	Trực tiếp vận hành máy: chiếu xạ, Xquang, máy cobalt, sử dụng kim radium, các chất phóng xạ khác để điều trị và chẩn đoán bệnh.	V	4	
4	Chuyên sửa chữa, kiểm chuẩn: máy Xquang, máy chiếu xạ, máy hút đờm, mù.	V	3	
5	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm và phục vụ người bệnh lao, phong (hủi), tâm thần, bệnh truyền nhiễm.	V	3	
6	Chống dịch, diệt côn trùng, chuột, vi khuẩn gây bệnh. Chuyên xét nghiệm bệnh tối nguy hiểm (dịch tả, dịch hạch, viêm gan, viêm não và các bệnh la nguy hiểm khác).	V	3	
7	Trực tiếp thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý và tiêu huỷ chất thải y tế nguy hại.	IV	3	
8	Nghiên cứu và chế thử các loại thuốc độc mạnh như: thuốc phiện Mocfin, campho tổng hợp, Tecpinhydrat, chiết xuất mã tiền, cà độc dược và các loại thuốc độc bảng A.	IV	3	

9	Làm việc trong các cơ sở điều trị bệnh nhân phong, lao, truyền nhiễm, tâm thần.	IV	2	
10	Trực tiếp khám, điều trị bệnh xuất huyết não, liệt, chấn thương cột sống, sọ não, trẻ em bại não, ung thư hờ.	V	2	
11	Trực tiếp khám, điều trị và phục vụ bệnh nhân da liễu, hoa liễu viêm tắc mạch chi, ngoại tiết niệu, chạy thận nhân tạo, nội soi.	IV	2	
12	Mổ, phụ mổ, gây mê, hồi sức, chuyên cấp cứu; Trực tiếp khám, điều trị, phục vụ trẻ sơ sinh bệnh lý.	V	2	
13	Rửa, sấy hấp tiệt trùng, thu gom, tiêu huỷ các dụng cụ, bệnh phẩm, chai lọ thí nghiệm, đựng thuốc, giặt quần áo bệnh nhân.	IV	2	
14	Điều tra côn trùng y học (Bọ chét, ve, mò, muỗi, truyền bệnh sốt rét, giun chỉ, viêm não...).	IV	2	
15	Nghiên cứu, sản xuất các loại vắc xin và huyết thanh chữa bệnh.	IV	2	
16	Xét nghiệm vi sinh vật, sinh hoá (phân, nước tiểu, đờm, rãi...), huyết học	IV	2	
17	Giữ giống chủng vi sinh vật, ký sinh trùng.	IV	2	
18	Chăn nuôi động vật thí nghiệm để phục vụ y học và sản xuất vắc xin.	IV	2	
19	Sản xuất Silicazen để làm sắc ký lớp mỏng và ống chuẩn độ đậm đặc (Dung dịch mẹ).	IV	2	
20	Chuyên xông sấy dược liệu bằng phốt pho kẽm và lưu huỳnh.	IV	2	
21	Kiểm nghiệm, phân tích hoá lý, hoá thực vật, đông dược, dược lý, thủ kho hoá chất chuyên sang chai, đóng gói lẻ hoá chất.	IV	2	

22	Kiểm dịch nơi biên giới, hải cảng.	IV	2	
23	Nghiên cứu hoá chất diệt côn trùng truyền bệnh cho người.	IV	2	
24	Lấy mẫu và phân tích các yếu tố độc hại về vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường thuộc hệ Vệ sinh phòng dịch.	IV	2	
25	Đỡ đẻ, khám điều trị phụ khoa, thực hiện các kỹ thuật nội soi.	IV	1	
26	Sử dụng các máy cao tần, vi sóng để điều trị bệnh; kéo nắn xương bó bột.	IV	1	
27	Trực tiếp sao tẩm, tán, rây, xay, nhào trộn dược liệu và sắc thuốc tập trung bằng phương pháp thủ công.	IV	1	